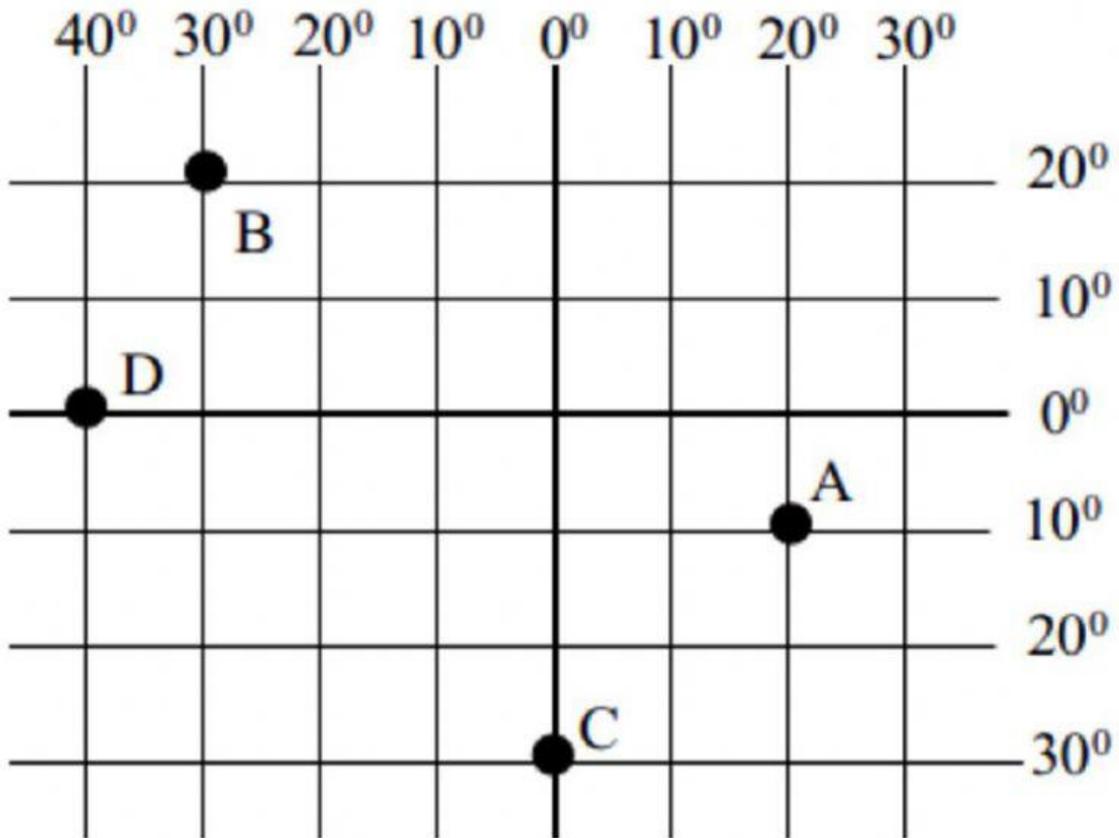


Luyện tập

Bài 1.

Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D trong hình sau:



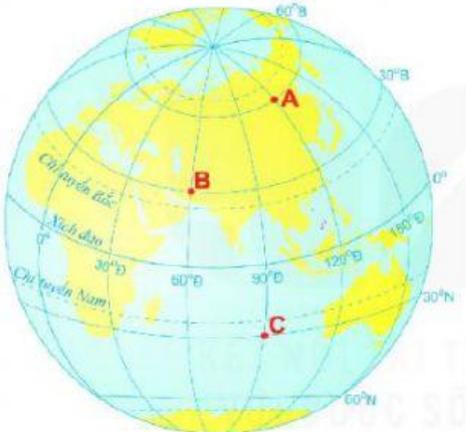
Điểm A

Điểm B

Điểm C

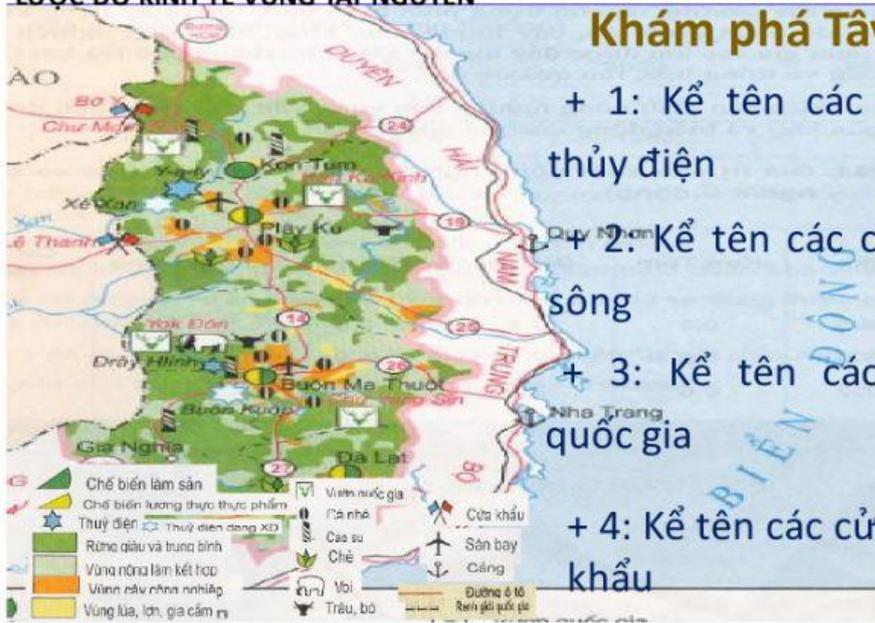
Điểm D

Bài 2:

Nhiệm vụ	Đáp án
<p>1. Hãy cho biết số lượng các đường kinh tuyến, vĩ tuyến phải vẽ trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách 1⁰ vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến. - Cách 5⁰ vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến. - Cách 20⁰ vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến. - Cách 30⁰ vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến. 	<p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>
<p>2. Quan sát hình 4 SGK/109, xác định tọa độ địa lí của điểm A, B, C.</p> 	<p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>
<p>3. Ghép các ô bên trái với các ô bên phải sao cho phù hợp:</p>	<p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>

1. Kinh tuyến	a) khoảng cách tính bằng độ từ vĩ tuyến gốc đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.	
2. Vĩ tuyến	b) khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó.	
3. Kinh độ	c) nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả Địa Cầu.	
4. Vĩ độ	d) vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu và vuông góc với kinh tuyến.	

LƯỢC ĐỒ KINH TẾ VÙNG TÂY NGUYÊN



Khám phá Tây Nguyên

+ 1: Kể tên các nhà máy thủy điện

+ 2: Kể tên các con sông

+ 3: Kể tên các vườn quốc gia

+ 4: Kể tên các cửa khẩu

Kí hiệu

- (a)  Than đá
- (b)  Dầu mỏ
- (c)  Vùng trồng lúa
- (d)  Đường sắt
- (e)  Bãi cát
- (g)  Đỉnh núi
- (h)  Thành phố
- (i)  Hang động
- (k)  Cà phê
- (l)  Sông
- (m)  Bò

Loại kí hiệu

• Kí hiệu điểm (1)

• Kí hiệu diện tích (2)

• Kí hiệu đường (3)